

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 82/2019/HSPT

Ngày: 16/4/2019

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA**

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Xuân Tuấn

Các thẩm phán: Bà Lê Thị Dung

Bà Nguyễn Thị Chinh

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Thành - Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:

Ông Vũ Trọng Trạng - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 44/2019/TLPT-HS ngày 15/02/2019 đối với bị cáo Trần Thị H, do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án số 13/2019/HSST ngày 08/01/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Bị cáo có kháng cáo:

Trần Thị H - Sinh năm 1981.

Nơi cư trú và nơi ở hiện nay: Số 15, Khối 6, Thị trấn R, huyện Đ, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần VH và bà Lê Th; có chồng là Lê Văn G (đã ly hôn); có 01 con sinh năm 2006. Tiền án; tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 11/10/2018 Tòa án nhân dân huyện Tr, tỉnh LD xử phạt 09 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Ngày 05/11/2018 chấp hành xong hình phạt.

Bị bắt tạm giam ngày 05/11/2018 tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thanh Hóa, có mặt.

Người bị hại không kháng cáo: Phạm Minh D, Lê Thị Y.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Chiều ngày 26/12/2013, Trần Thị H gọi điện thoại cho anh Phạm Minh D hỏi vay số tiền 200.000.000đ. Anh D đồng ý cho H vay. H hẹn anh D đến chân cầu Vượt, phường Phú Sơn, thành phố Thanh Hóa để lấy tiền. Khi anh D đưa cho H 200.000.000đ thì H viết giấy vay tiền hẹn đến ngày 01/01/2014 sẽ trả, đồng thời H để lại xe ô tô BKS 29A 184.83 cho anh D làm tin. Do chiếc xe ô tô không phải của mình nên một tuần sau H đến nói với anh D cho xin lại chiếc xe để trả lại cho chủ xe. Do có mối quan hệ anh em, họ hàng nên anh D đã cho H lấy lại xe ô tô.

Đến hẹn, anh D không thấy H mang tiền đến nên đã gọi điện đòi tiền nhiều lần nhưng H vẫn không trả. Để anh D tin tưởng tiếp tục cho vay số tiền trên, H đã

làm giả một “Giấy chứng nhận tiền gửi” của Ngân hàng TMCP B, chi nhánh Thanh Hóa, phòng giao dịch L mang tên con trai H là Lưu T với số tiền gửi 2.000.000.000đ (hai tỷ đồng). Đến ngày 07/01/2014, H cùng mẹ đẻ là bà Lê Thị T đến nhà bà Lê Thị O là mẹ vợ anh D ở xóm C, xã T, thành phố Thanh Hóa gặp vợ chồng anh D để xin được vay tiếp số tiền trên. Anh D hỏi H có gì để đưa cho anh D làm tin không thì H đã đưa cho anh D sổ tiết kiệm trên. Vợ chồng anh D tưởng sổ tiết kiệm thật nên đã đồng ý. H viết lại giấy vay tiền và cam kết đến ngày 07/02/2014 sẽ trả, nếu H không trả nợ đúng hạn thì vợ chồng anh D có quyền rút số tiền 200.000.000đ từ sổ tiết kiệm trên. Cùng ngày, H viết giấy ủy quyền rút tiền cho chị Y vợ anh D, có xác nhận của Công an thị trấn R, huyện Đ.

Sau đó, vợ chồng anh D đến phòng giao dịch Lê Hữu Lập của Ngân hàng Bắc Á để kiểm tra thì được biết sổ tiết kiệm trên là giả. Anh D đã đến Công an tỉnh Thanh Hóa tố cáo hành vi của H. Số tiền chiếm đoạt được của anh D, H đã chi tiêu cá nhân hết, H cắt điện thoại và bỏ trốn vào Thành phố H nên anh D không thể liên lạc được và không biết H ở đâu.

Tại bản kết luận giám định 1140/KLGD-PC54 ngày 23/9/2014 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa đã kết luận:

- “Giấy chứng nhận tiền gửi có kỳ hạn” số BA 338765 (ký hiệu A1) với “Giấy chứng nhận tiền gửi có kỳ hạn” số BA 642000 (ký hiệu M2) không cùng mẫu phôi và không cùng phương pháp in.

- Hình dấu tròn “Phòng giao dịch L Ngân hàng T.M.C.P B C.N Thanh Hóa” trên “Giấy chứng nhận tiền gửi có kỳ hạn” số BA 338765 (Ký hiệu A1) là dấu giả được làm bằng phương pháp in màu.

- Chữ ký “L” ở mục “Kế toán” trên “Giấy chứng nhận tiền gửi có kỳ hạn” số BA 338765 (ký hiệu A1) với mẫu chữ ký Trần Thanh L trên tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu M2) là không phải do cùng một người ký ra.

Sau khi bỏ trốn vào Thành phố H, một thời gian sau, H thay đổi tên tuổi của hai mẹ con rồi tiếp tục lẩn tránh xuống huyện Tr, tỉnh LD để sinh sống. Trong thời gian sinh sống ở đây, H lại tiếp tục phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Do có hành vi nêu trên, tại Bản án số 13/2019/HSST ngày 08/01/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa đã quyết định: Trần Thị H phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”; Áp dụng điểm a Khoản 3 Điều 139; điểm c Khoản 2 Điều 267; điểm p Khoản 1 Điều 46; Điều 33 và 50 BLHS năm 1999; Xử phạt Trần Thị H 07 (bảy) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và 02 (hai) năm tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”. Tổng hợp hình phạt của hai tội, bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 09 (chín) năm tù.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên bị cáo H phải trả cho anh D, chị Y số tiền 200.000.000đ; tuyên nghĩa vụ chậm trả tiền; tuyên án phí và quyền kháng cáo.

Sau án sơ thẩm xử, ngày 16/01/2019, Trần Thị H có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo và khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trong bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Kiểm sát viên nhận thấy bản án sơ thẩm xử phạt Trần Thị H 07 (bảy) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và 02 (hai) năm tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” là phù hợp với tính chất hành vi phạm tội của bị cáo. Bị cáo không có thêm tình tiết gì mới ở cấp phúc thẩm nên KSV đề nghị HĐXX giữ nguyên hình phạt của bản án sơ thẩm đối với bị cáo Trần Thị H.

Bị cáo không tranh luận gì với ý kiến của Kiểm sát viên.

Lời nói sau cùng, bị cáo xin giảm án để sớm được ra tù, trở về với gia đình và người thân.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Các hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng, cơ quan tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng trình tự, thủ tục và hợp pháp theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

Đơn kháng cáo của Trần Thị H trong thời hạn luật định nên được chấp nhận để xem xét.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với các tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ và nhận định của bản án sơ thẩm, thể hiện: Vào chiều ngày 26/12/2013, tại chân cầu Vượt, phường Phú Sơn, thành phố Thanh Hóa, Trần Thị H đã có hành vi gian dối, dùng chiếc xe ô tô BKS 29A-184.83 không phải là tài sản của mình mang đi cầm cố cho anh Phạm Minh D để vay số tiền 200.000.000đ. Anh D tưởng là xe của H nên đã cho vay số tiền trên, H đã chi tiêu cá nhân hết. Sau đó, H đã đề nghị anh D trả xe cho H để H trả cho chủ xe. Do không có tiền trả nợ nên H đã làm giả một Giấy chứng nhận tiền gửi của Ngân hàng TMCP Bắc Á, chi nhánh Thanh Hóa, phòng giao dịch Lê Hữu Lập mang tên con trai H là Lưu Trần Thái với số tiền gửi 2.000.000.000đ (hai tỷ đồng) để đưa cho vợ chồng anh D làm tin. Sau đó H đã cắt liên lạc với anh D và bỏ trốn vào Thành phố Hồ Chí Minh, thay đổi tên, tuổi để sinh sống.

Với hành vi trên, Trần Thị H bị cấp sơ thẩm xét xử về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo điểm a Khoản 3 Điều 139; điểm c Khoản 2 Điều 267 BLHS năm 1999 là có căn cứ.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo, thấy rằng: Bản án sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất vụ án, xem xét đầy đủ về nhân thân bị cáo và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo.

[4] Tại cấp phúc thẩm, bị cáo không có thêm tình tiết gì mới để xem xét giảm án cho bị cáo.

[5] Quyết định về hình phạt của bản án sơ thẩm đối với bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật nên không chấp nhận kháng cáo của Trần Thị H.

[6] Các nội dung khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, không xem xét.

[7] Do kháng cáo không được chấp nhận và bị cáo không thuộc đối tượng được miễn hoặc không phải nộp án phí nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ điểm a Khoản 1 Điều 355, Điều 356 BLTTHS 2015;

QUYẾT ĐỊNH:

Không chấp nhận kháng cáo của Trần Thị H;

Giữ nguyên Bản án số 13/2019/HSST ngày 08/01/2019 của Toà án nhân dân thành phố Thanh Hóa về phần hình phạt đối với Trần Thị H;

Áp dụng điểm a Khoản 3 Điều 139; điểm c Khoản 2 Điều 267; điểm p Khoản 1 Điều 46; Điều 33 và 50 BLHS năm 1999; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử phạt: Trần Thị H 07 (bảy) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và 02 (hai) năm tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”.

Tổng hợp hình phạt của hai tội, bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 09 (chín) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 05/11/2018.

Trần Thị H phải nộp 200.000đ án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hình sự phúc thẩm, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại Hà nội;
- VKS Cấp cao tại Hà nội;
- VKSND tỉnh Thanh Hoá;
- VKSND thành phố Thanh Hóa;
- TAND thành phố Thanh Hóa;
- Công an thành phố Thanh Hóa;
- Thi hành án HS, DS;
- bị cáo, bị hại, Luật sư;
- Lưu hồ sơ.

Dương Xuân Tuấn

